

CHÚ THÍCH

1. V. I. Lênin. Toàn tập T. 36, NXB Tiến bộ Mátxcova, 1977, tr. 76.
2. V. I. Lênin. Toàn tập T. 36, NXB Tiến bộ Mátxcova, 1977, tr. 83.
3. Như trên, xem tr. 83.
4. V. I. Lênin. Toàn tập T. 41, NXB Tiến bộ Mátxcova, 1977, tr. 400.
5. V. I. Lênin. Toàn tập T. 41, NXB Tiến bộ Mátxcova, 1977, tr. 167-168.
6. như trên, tr. 168
7. như trên, tr. 169.
8. V. I. Lênin toàn tập. T. 39, NXB TB, M. 1977, tr. 24
9. V. I. Lênin toàn tập, T. 1, NXB TB, M. 1974, tr. 236

NHÌN LẠI MỐI QUAN HỆ GIỮA "VĂN VÀ ĐẠO"

TRẦN NHO THÌN

Giới nghiên cứu văn học Việt Nam bấy nay hầu như đều giải thích khái niệm *đạo* (trong mệnh đề *ăn đi tái đạo*) là *đạo đức*, cụ thể hơn là đạo đức theo quan điểm nho giáo. Cách hiểu này đã vô hu hẹp nội dung của khái niệm *đạo*, đồng thời không cho thấy được những đặc trưng có tính lịch a quan niệm văn học thời cổ, do đó cũng không cho thấy những đặc trưng của nguyên tác phản iện thực của văn học nhà nho.

Theo nghĩa gốc, *đạo* chỉ con đường. Khi chọn một đường đi, tức là ta chọn một cách thức, một ng thức. Có thể nói sự chuyển nghĩa như thế có thể quan sát thấy trong bất kỳ một ngôn ngữ nào hế giới. Trong tư tưởng cổ đại Trung quốc, khái niệm *đạo* xét về mặt triết học tương đương với niệm phương thức hoặc cách thức mà chúng ta thường dùng hiện nay. Kinh Dịch "nhất âm nhất g chi vị đạo" (một âm một dương gọi là đạo). Lão tử chủ trương "phân giá, động chi đạo dã" trở lại chỗ cũ là đạo của sự vận động). Ta dễ nhất trí là trong những trường hợp này phải dịch

đạo là phương thức mới diễn đạt đúng ý tưởng triết học của hai mệnh đề trên. Bất cứ tượng, sự vật nào trong thế giới tự nhiên cũng như trong xã hội loài người đều có một phương thức kết cấu nào đó, đều có một phương thức vận động nào đó ⁽¹⁾. Người thời cổ dùng hình tượng đường để diễn tả ý niệm này. Phương thức kết cấu của vũ trụ là nhất âm nhất dương, tức là một sự vật, hiện tượng nào cũng là một thể thống nhất của hai mặt đối lập. Hai mặt âm dương không triết tiêu lẫn nhau mà là điều kiện tồn tại của nhau, chuyển hóa lẫn nhau, đời chỗ cho. Nóng đi thì lạnh tới, lạnh đi thì nóng tới, hết một vòng xuân, hạ, thu, đông thì trở lại xuân, 1 đông khác; trong xã hội hết bị lại thái, hết hưng đến vong, hết trị rồi loạn. Đó là phương thức động quay trở về chỗ cũ, phương thức phản phục và người ta cũng gọi phương thức này là đạo.

Cổ nhiên Nho giáo vốn là một học thuyết đậm đà tính thế tục, nó tập trung chú ý vào các nhà nước và xã hội hơn là các vấn đề có tính chất triết học, vũ trụ luận. Vì thế Nho giáo đã t nội dung khái niệm đạo cho thích hợp với nhu cầu của mình. Khi nhà nho nói đến đạo của một thì nội dung chủ yếu của đạo chỉ còn lại là đạo đức luân thường. Nhưng không vì thế mà ta k rằng khái niệm đạo trong trường hợp này không mang tính triết học. Bởi lẽ đạo đức, luân thường Nho giáo thực chất cũng là những chuẩn tắc, những phương thức ứng xử trong các mối quan hệ và gia đình. Đến lượt mình, các mối quan hệ này cũng được nhìn nhận theo phương thức âm-dương. Đó là quan hệ trên-dưới; giữa vua và tôi, giữa cha và con, giữa chồng và vợ, giữa trò v.v.. Trung là phương thức ứng xử của bề tôi với vua, hiếu là phương thức ứng xử của con cha mẹ, tiết là phương thức ứng xử của vợ với chồng v. v. .

Đi sóng đôi với đạo là văn. Nhà nho hiểu văn là gì? Tại sao nhà nho nói rằng văn do đạo rằng văn và đạo tuy là hai nhưng thực chất lại là một? ⁽²⁾

Văn là cái được hình thành nhờ sự tương tác, kết hợp của nhiều vật, nhiều hiện tượng theo cách thức nào đó. Kinh Dịch: Vật tương tạp cố viết văn (các sự vật hòa trộn vào nhau tạo thành gọi là văn). Văn là cái đẹp nảy sinh nhờ sự hòa trộn của các hiện tượng, sự vật. Nhưng sự h này không hề là ngẫu nhiên lộn xộn mà theo một phương thức nào đó. Vì vậy Từ hi dẫn K phần Nhạc ký "Ngũ sắc thành văn nhi bất loạn" (năm sắc tạo thành văn nhưng không rối loạn).

Vấn đề cần tìm hiểu là phương thức kết hợp hòa trộn của các sự vật để tạo thành văn Văn tâm điều long, thiên Nguyên đạo, ta đọc thấy đoạn sau (chúng tôi tạm dịch): "Cái đức c thật là to lớn vì nó sinh ra cùng với Trời và Đất! Sắc trời đen hòa trộn với sắc đất vàng, trời t vuông phân biệt rõ hình thù; mặt trời, mặt trăng tỏ diễm cho cái đẹp của bầu trời, núi sông g trang hoàng cho mặt đất (Một khi có sự kết hợp đó thì đã có văn). Đó là văn của đạo.

Đoạn trích này rất quan trọng để hiểu nội dung của khái niệm văn cũng như mối quan văn và đạo. Trước hết, văn có nghĩa là hình thức của một nội dung nào đó (ta nhớ đến quan đ Không từ về văn và chất). Bầu trời có hình thức bộc lộ là mặt trời mặt trăng, mặt đất có h bộc lộ là núi sông. Và ở tầm mức bao quát nhất, văn sinh ra cùng với trời đất, nghĩa là một k hòa trộn sắc đen (huyền) của trời với sắc vàng (hoàng) của đất, khi có sự kết hợp trong th giữa hình tượng trời tròn và hình tượng đất vuông thì có văn. Như vậy, ta thấy các sự vật tượng kết hợp với nhau theo một đạo (phương thức) nhất định, thì tự nhiên tạo thành văn. cái phương thức kết hợp ấy là sự đối lập có hình thức âm - dương giữa hai sự vật và hiện tượng đen - màu vàng, tròn - vuông, mặt trời - mặt trăng, sông - núi. Lưu Hiệp có cơ sở khi viết đ của đạo. Quả thật ở đây đạo chính là văn và văn là sự thể hiện tương ứng, tất yếu của đạo. Bởi khi trong thế giới tự nhiên hay trong xã hội loài người, các hiện tượng, sự vật kết hợp theo phương thức, tức là theo đúng đạo, lập tức xuất hiện văn. Theo chúng tôi, cần xuất phát từ này để lý giải công thức văn dĩ dĩ đạo của nhà nho.

o của nho gia trong phạm vi nhân sự - xã hội là đạo lý luân thường. Như đã trình bày ở trên, à nho, con người trong xã hội phải ứng xử theo một đạo (phương thức) nhất định. Cái văn, cái ng xã hội chỉ có thể được tạo thành nhờ sự kết hợp đúng đạo. Tình cảm, suy nghĩ, hành vi của người chỉ có thể đẹp nếu như trong mối quan hệ với vua chúa, anh ta làm được đạo trung, mẹ - hiếu v. v. . . Nói văn phải chuyên chở đạo là hàm ý chống chủ nghĩa hình thức, chữ theo o, bản thân việc ứng xử theo đúng đạo để ra đã là đẹp, là văn rồi ! Vì thế Khổng tử dạy học trò sức để ứng xử đúng với đạo (phương thức) thì mới học văn (đệ tử, nhập tác hiếu, xuất tác lễ, ai chúng nhi thân nhân, hành hữu dư, lực tác dĩ học văn). Học văn là học cách sử dụng từ ngữ, h, ẩn dụ. . . đủ để diễn đạt được cách ứng xử hợp đạo, hợp phương thức. Văn chương nhà t về con người trong xã hội đều theo một nguyên tắc như vậy. Chúng ta hiểu vì sao khi viết về người quân tử, những nhân vật thuộc hàng ngũ phong kiến thống trị, nhà nho thường soi rọi, an, đánh giá chúng qua cách ứng xử cụ thể với vua chúa, triều đại, với dân v. v. . . Văn có chức i đạo, tức là thể hiện được phương thức ứng xử của con người trong xã hội. Vì thế mà cái tôi à nho cũng thường được đặt vào các mối quan hệ luân thường. Nhưng do quan niệm về nhân o quý, có nguồn gốc vũ trụ nên nhà nho dành nhiều trang cho việc thể hiện mối quan hệ chính hội. Hai mối quan hệ chủ yếu nhất là quan hệ với dân (những kẻ bị trị) và quan hệ với vua ới triều đại thống trị. Đạo (phương thức) của mối quan hệ giữa nhà nho với dân là tinh thần tự Nhà nho luôn quan tâm đến cuộc sống của dân như là cuộc sống của kẻ chịu sự tác động của ự. Anh ta bán khoán, day dứt "răn trở, thậm chí hổ thẹn vì mình không làm được gì để chấm i đói nghèo, khổ đau cho dân. Anh tự nhận trách nhiệm thông báo cho vua chúa về chỗ chưa của chính sự, hy vọng thông tin này sẽ giúp cho nhà vua kịp thời điều chỉnh chính sách. Đạo ng thức) ứng xử trong quan hệ với vua, với triều đình là trung. Trung thành với vua, với một o được nhận thức như là đạo lý làm người. Với tinh thần tự nhiệm cao trước nhân dân, với ung thành với vua chúa, nhà nho thường tha thiết muốn bộc lộ tài năng của mình trong hoạt à hội để "trí quân trạch dân" để "phò nguy cứu khổ" (trong những tình huống gay cấp của lịch i tóm lại là tha thiết được hành đạo. Hành đạo, trung quân, ái quốc, ái dân là những đề tài phổ ia thơ ca nhà nho.

lặt khác nhà nho tự ý thức về bản thân như là một nhân cách đặc biệt có nguồn gốc vũ trụ nên á hai mối quan hệ nói trên, anh ta giữ một vị trí độc lập đáng kể. Anh ta không những không a mình vào quần chúng mà còn giữ vị trí độc lập với vua chúa, triều đại phong kiến. Tính chất này thể hiện đặc biệt rõ rệt trong việc thơ ca nhà nho diễn tả cái tôi giữa bối cảnh thiên nhiên, với tương quan với trời đất, vũ trụ. Những cặp động từ *ngưỡng* (ngửa mặt trông trời) và *phủ* (ng nhìn đất), nhan nhán trong thơ ca nhà nho cho thấy ý chí âm thầm mà quyết liệt của nhà h tranh với độc quyền của thiên tử (con trời) trong việc giao tiếp với trời đất, vũ trụ⁽³⁾. Vì có ộc lập với vua chúa và triều đình mà nhà nho tham chính khi nước có đạo và rút lui khi nước ụng. Cũng vì có vị thế độc lập này mà trong tâm hồn nhà nho luôn có cuộc dằng xé giữa hành và iết và xử. Trong hầu hết các thi tập của Nho gia Việt Nam đều có thể quan sát thấy hai luồng ụng trái ngược, thể hiện phương thức ứng xử xã hội - chính trị của nhà nho, một nhân cách đặc i chưa có điều kiện (vì lý do chủ quan hay khách quan), nhà nho nào cũng day dứt, dằn vặt về tham chính. Nhưng khi đã nhận một chức quan rồi thì anh ta lại có phần hổ thẹn vì . . . ột chức à phải đối những gì anh ta coi là quý báu nhất. Vì làm quan, anh ta phải bận bịu sự vụ tầm ằng chán và không có thời gian để hưởng các thú vui tinh thần như ngoạn cảnh thiên nhiên. quan, anh ta phải lặn lội nơi chân trời góc biển, phải xa lìa quê hương, gia đình, phần mộ tổ im xúc tha hương, lữ thứ là một cảm xúc xuất hiện thường xuyên trong thơ ca nhà nho. Văn i nhà nho viết về bản thân là viết về đạo sống, phương thức sống, phương thức làm người mà chủ trương. Phương thức đó rõ ràng chỉ có thể bộc lộ trong những cặp quan hệ đối xứng nhất

định: nhà thơ và dân, nhà thơ và triều đại phong kiến, nhà thơ và thiên nhiên.

Đạo của nhà nho là đạo đức trong phạm vi nhân sự, xã hội, nhưng nó không hề mâu thuẫn đạo nói chung, với tính cách là phương thức cấu trúc và vận động của vũ trụ, của thế giới. K của vũ trụ - theo quan niệm Nho gia - đã chi phối rõ rệt sáng tác văn chương của anh ta.

Hai mô hình vũ trụ cơ bản là âm dương và ngũ hành được diễn tả trong sáng tác văn c nhà nho. Theo nguyên lý âm - dương, nhà nho nhìn thực tại bằng cái nhìn phân cực. Tùy góc đ nhau mà có thành phần khác nhau, nhưng xã hội của nhà nho bao giờ cũng kết cấu theo phươn âm - dương. Từ góc độ chính trị, xã hội bao gồm hai tầng lớp thống trị và bị trị, quân tử và tiểu

Từ góc độ đạo đức - thẩm mỹ, xã hội ấy bao gồm hai loại nhân vật chính diện và phản Thiên nhiên cũng được cấu trúc lại theo đúng phương thức mà nhà nho quan niệm. Không gi thiên nhiên trong thơ ca nhà nho là không gian theo kết cấu âm -dương. Bức tranh thiên nhĩ thơ ca nhà nho bao giờ cũng được cấu thành bởi hai cực đối lập hay nhiều cặp đối lập hai cực. Cái nhìn của tác giả trượt từ điểm gần tới điểm xa, bỏ qua khoảng giữa. Được chú ý khác hơ quan hệ đối xứng: trên - dưới, cao - thấp, gần - xa, trong - ngoài. .

Phương thức vận động cơ bản của vũ trụ là *phản phục*. Mặt trời mọc rồi lặn, trăng t khuyết, sen tàn cúc lại nở hoa. Sự luân phiên đổi chỗ của các trạng thái đối lập cũng là *đạo* m tác văn chương nhà nho phải thể hiện. Kết cấu hội ngộ - tai biến - đoàn viên mà các truyện n dụng không có gì khác hơn là sự mô phỏng cái *đạo* vận động của vũ trụ, của xã hội, của cuộc đ quan niệm Nho gia. Nguyễn Du viết "Trong cơ âm cực dương hồi khôn hay". Truyện Kiều ghi trình đổi chỗ cho nhau của âm và dương, của tủi nhục và hạnh phúc, của tai họa và may mắn. nên từ góc độ của người hiện đại để chê đoạn đại đoàn viên là gượng gạo, không hiện thực (4).

Cấp độ cơ sở của tác phẩm là ngôn từ và kết cấu văn bản cũng có hiện tượng mô phồn mô phỏng kết cấu âm - dương của vũ trụ.

Để nhìn thấy hơn cả là phương thức đối xứng rất độc đáo về ý nghĩa của từ cũng như điệu. Và không những có đối xứng trong phạm vi một câu thơ (tiểu đối) mà còn có đối xứng g về. Không những có đối xứng giữa hai vế, hai câu thơ mà còn có đối xứng giữa hai khổ thơ, ha thơ (đối lưỡng phiến) (5). Điều lý thú cần nói là thể thơ lục bát vốn là thể thơ dân gian, có ngu Đông Nam Á và không hề có quan hệ gì với các thể thơ của văn học Trung Quốc, nhưng dưới t của các nhà thơ - nhà nho như Nguyễn Du, lại được nâng lên hay cải biên sao cho có thể trong trường hợp, diễn đạt được đối xứng âm dương, tức là diễn tả được cái *đạo*. Đó là hình thức t khá phát triển trong Truyện Kiều (nhưng tuyệt nhiên không có trong ca dao lục bát):

- + Làn thu thủy / nét xuân sơn
- Hoa ghen thua thắm / liễu hờn kém xanh
- + Cát vàng cồn nọ / bụi hồng dặm kia
- + Tiếng gà diêm nguyệt / dấu giày cầu sương

Thể thơ song thất lục bát được sử dụng để viết các ngâm khúc, văn (những bài thơ trữ đ dung lượng lớn) cũng là sự kết hợp giữa thể thơ lục bát và hình thức đối xứng của văn học ch

Sự quan sát sơ bộ trên đây cho thấy cần phải hiểu mệnh đề "văn dĩ tải đạo" một cách rộ sâu hơn cách hiểu lâu nay trong giới nghiên cứu về *đạo*. Rõ ràng nói *văn chữ đạo* (hay *min quán đạo* cũng thế) cũng tức là nói văn chương phải thể hiện mô phỏng cho được cái phươn kết cấu và vận động của vũ trụ (cố nhiên là theo quan niệm của Nho g). Rõ ràng khi chủ trư đi tải đạo nhà nho đã nhìn thực tại khách quan không phải như nó vốn tồn tại mà như một biểu cụ thể cho quan niệm chủ quan của anh ta. Từ đó mà tất cả mọi hình tượng của văn chương n

g đơn nghĩa. Nhà nho không quan tâm đến tính chất khách quan của đối tượng được miêu tả ta quan tâm là ý nghĩa nằm ẩn ở bên trong, bên ngoài, đằng sau sự vật, hiện tượng được. Đây là điều cần chú ý, đặc biệt là với những ai muốn đi tìm một chủ nghĩa hiện thực trong thơ, nơi người xưa chủ trương vẫn phải chuyên chở đạo.

10.1990

CHÚ THÍCH

Đo Quí Đôn: "Đạo vẫn tồn tại ở ngay trong sự vật, sự vật nào cũng có đạo". Tựa Văn đài ngữ. NXB Văn hóa, H, 1962, t.1, tr 45.

Nguyễn Văn Siêu: "Văn và đạo tuy có tên khác nhau, nhưng nội dung của nó thì bất phân từ đạo". Xem Từ trong di sản. NXB Tác phẩm mới, H, 1981, tr 125.

Trong quan niệm chính thống, chỉ có vua nhận được mệnh trời mới có quyền tế Trời Đất, có quyền giao tiếp với Trời Đất.

Với về các đề tài và hình tượng thi ca với tính cách là sự thể hiện đạo chúng tôi muốn chọn một dẫn chứng dễ hiểu nhất. Đề tựa tập thơ Hạnh lân lai phục, Ngô Thời Hoàng viết: " Trong cõi trời đất có khí âm dương, trước sau xoay vần, qua rồi lại đến, chưa hề dứt quãng, tạo ra cuộc sinh hóa muôn đời. Đang khi âm thịnh, dương suy, mùa đông giá lạnh tưởng như không còn sinh khí nữa, nhưng thực tế khí dương dưới đất đã ngấm lên ra. Vậy trong chốn lạnh lùng đã chuẩn bị bao hoạt động kế tiếp nếu không phải là người xét thấu đáo lẽ tạo hóa thì ai biết được ? Cho nên biết xem trời thì không nên xem chỗ muôn vật đang thịnh, mà nên xem xét ở chỗ tiếng im, vật ít. Biết xem người thì không nên xem những khi ăn cơm rau, uống nước lá, ở ngõ hẻm mới thấy được chí khí phiêu dật của siêu của người ấy..."

Bản văn này giải thích cho chúng ta hiểu tại sao trong các thi tập cổ lại phổ biến như thế đề tài về thuở hàn vi của các hàn nho, hàn sĩ, vì sao nhà thơ xưa hay viết về mùa thu tiêu sái, vì sao người ta chủ trương thơ có cùng mới hay (hoặc là người cùng thì thơ mới hay)... Nhưng không phải ai cũng có khả năng nhận thức được cái đạo vận động của vũ trụ thiên nhiên và con người như vậy, chỉ có những bậc kỳ tài mới có thể cảm nhận được và có năng lực dùng văn tự để diễn tả cái đạo bí ẩn cao siêu ấy. Do đó mà văn chương là một loại huyền bí thiêng liêng, người thường không thể biết được.

Ngày xưa có rất nhiều sách tra cứu các cặp từ và cụm từ đối xứng theo luật âm thanh trong này. Ví dụ trong Lạp ông đối vận có hàng ngàn các cặp từ đối cho sẵn như : thiên đối với địa, vân - phong, đại lực - trường không, sơn hoa - hải thụ, xích nhật - thương khung. Người làm thơ chỉ cần học thuộc bảng cho sẵn này là đủ để vận dụng khi làm thơ.